

Bản án số: 23/2017/LĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2017
V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội T nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Minh Thúy
2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 511/2017/TLST-LĐ ngày 20/7/2017 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-LĐ ngày 23/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST-LĐ ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành giữa các đương sự :

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
2. Bà Trịnh Thị Hoài C, sinh năm: 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Đường X, phường Y, thành phố X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
3. Ông Vũ Quang Đ, sinh năm: 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
5. Ông Lê Thanh H, sinh năm: 1977 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
6. Bà Hoàng Thị Hồng P, sinh năm: 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974; trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2017 (có mặt);

7. Ông Phạm Duy T, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Đồng Nai;
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974; trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017 (có mặt);

8. Ông Bạch Sỹ Q, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974; trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2017 (có mặt);

9. Ông Nguyễn Đình V, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974; trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2017 (có mặt);

10. Ông Nguyễn Hồng Đ1, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974; trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2017 (có mặt).

11. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn G

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh B

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn – Ông (bà) Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn C1, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Lê Thanh H, Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Hồng P, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q, Nguyễn Đình V, Nguyễn Hồng Đ1 và người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn – ông Nguyễn Trung Ngạn trình bày:

Ông Nguyễn Văn A làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn G (gọi tắt là Công ty G) theo hợp đồng lao động số 581/HDLD ngày 01/12/2004 đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015).

Bà Trịnh Thị Hoài C làm việc tại Công ty G từ năm 1999 theo hợp đồng lao động B50/số ngày 02/8/1999 cho đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Ông Vũ Quang Đ làm việc tại Công ty G từ ngày 02/8/1999 theo hợp đồng không xác định thời hạn cho đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Ông Nguyễn Văn C1 làm việc tại Công ty G từ ngày 17/5/2010 cho đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Ông Lê Thanh H làm việc tại Công ty G từ ngày 12/8/2003 theo hợp đồng lao động số 469/HĐLD ngày 12/8/2003 cho đến ngày 30/5/2014 bằng quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 40/2014/QĐCDHĐLD ngày 22/5/2014.

Bà Hoàng Thị Hồng P làm việc tại Công ty G từ ngày 29/12/2012 đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Ông Phạm Duy T làm việc tại Công ty G từ ngày 14/7/2003 cho đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Ông Bạch Sỹ Q làm việc tại Công ty G từ vào ngày 18/11/2003 cho đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Ông Nguyễn Đình V làm việc tại Công ty G từ năm 1999 cho đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Ông Nguyễn Hồng Đ1 làm việc tại Công ty G từ tháng 11/2013 cho đến ngày 22/7/2014 bởi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 48/2014-QĐCDHĐLD ngày 12/7/2014.

Bà Nguyễn Thị T1 làm việc tại Công ty G vào ngày 12/10/2013 theo hợp đồng lao động số 10/2013/CT-01 cho đến khi công ty ngừng hoạt động (tháng 2/2015), được trả lương đến tháng 5 năm 2015.

Theo thỏa thuận tại các hợp đồng lao động: Trong thời gian người lao động đang làm việc thì hàng tháng Công ty G trích khoản tiền lương của người lao động để thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan Bảo hiểm xã hội xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuy nhiên, đến khi Công ty ngừng hoạt động thì người lao động (có khoảng trên 300 lao động, trong đó có các ông (bà): Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn C1, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Lê Thanh H, Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Hồng P, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q, Nguyễn Đình V, Nguyễn Hồng Đ1) mới được biết Công ty G còn nợ các khoản tiền bảo hiểm xã hội của người lao động tại cơ quan bảo hiểm xã hội. Việc Công ty G còn nợ bảo hiểm xã hội đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Nay các ông (bà): Nguyễn Văn A, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Văn C1, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q và ông Nguyễn Đình V yêu cầu Công ty Mỹ Đức phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào Quỹ Bảo hiểm, thuộc bảo hiểm xã hội tỉnh B còn nợ từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 4 năm 2015.

Ông Lê Thanh H yêu cầu Công ty G phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm, thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B còn nợ từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 5 năm 2014.

Bà Hoàng Thị Hồng P yêu cầu Công ty G phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm, thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B còn nợ từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 4 năm 2015.

Ông Nguyễn Hồng Đ1 yêu cầu Công ty G phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm, thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B còn nợ từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 7 năm 2014.

Bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Công ty G phải đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm, thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh B còn nợ từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 4 năm 2015.

Mức đóng và số tiền bảo hiểm mà Công ty G phải đóng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty G: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Công ty G vắng mặt và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội tỉnh B và người đại diện hợp pháp trình bày:

Qua rà soát thông tin các đơn vị, Bảo hiểm xã hội tỉnh B được biết ngày 19/6/2017 Ban quản lý các khu công nghiệp có thông báo số 36/TB-BQL-ĐT về việc chấm dứt hoạt động của dự án Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng thuộc Công ty G.

Công ty G có đăng ký và tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động, trong đó có danh sách tên các ông (bà): Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn C1, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Lê Thanh H, Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Hồng P, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q, Nguyễn Đình V, Nguyễn Hồng Đ1.

Công ty G thông báo cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B không tham gia bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Hồng Đ1 từ tháng 7/2014, ông Lê Thanh H từ tháng 5/2014, còn lại các ông (bà) Vũ Quang Đ, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn C1, Trịnh Thị Hoài C, Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Hồng P, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q, Nguyễn Đình V từ tháng 4 năm 2015.

Tuy nhiên, từ tháng 6 năm 2012 đến nay, Công ty G không tham gia trích nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Bảo hiểm xã hội tỉnh B đã rất nhiều lần đôn đốc yêu cầu Công ty M thực hiện việc đóng các khoản bảo hiểm xã hội theo đúng quy định, tuy nhiên Công ty vẫn không thực hiện. Nay người lao động khởi kiện tranh chấp về bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án buộc công ty phải nộp ngay vào quỹ bảo hiểm xã hội số tiền nợ quỹ bảo hiểm của người lao động để họ được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải Q vụ án: Tòa án cấp sơ T đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng T quyền giải Q, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Các nguyên đơn làm việc trong Công ty G đều ký hợp đồng lao động, Công ty G có đăng ký danh sách của 11 nguyên đơn cho cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Căn cứ vào Đ 18 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và Đ 21 Luật bảo hiểm xã hội 2014 thì trách nhiệm trích nộp bảo hiểm xã hội cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thuộc về người sử dụng lao động là Công ty G. Tuy nhiên, từ tháng 6 năm 2012, Công ty G đã không thực hiện việc trích nộp tiền bảo hiểm

xã hội cho người lao động, trong đó có 11 nguyên đơn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Do đó, có đủ cơ sở để, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; buộc Công ty G phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động gồm: ông (bà): Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn C1, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Lê Thanh H, Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Hồng P, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q, Nguyễn Đình V, Nguyễn Hồng Đ1 theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ T nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Đơn khởi kiện của các nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH G, Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ pháp luật là: tranh chấp về bảo hiểm xã hội; Bị đơn có địa chỉ tại huyện Tân Thành về tranh chấp tiền bảo hiểm xã hội là thuộc T quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn – Công ty G không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội tỉnh B vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự không hoãn phiên tòa, mà tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Các nguyên đơn trong vụ án đều là người lao động của Công ty G, đều có ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật và được Công ty G lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ, đóng và hưởng bảo hiểm xã hội gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Tuy nhiên, từ tháng 6 năm 2012 đến nay, Công ty G chưa đóng bảo hiểm xã hội theo quy định vào Quỹ bảo hiểm xã hội. Lời trình bày của các ông (bà): Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn C1, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Lê Thanh H, Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Hồng P, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q, Nguyễn Đình V, Nguyễn Hồng Đ1 về thời gian chưa đóng bảo hiểm, hoàn toàn phù hợp với Danh sách chi tiết nợ mà Bảo hiểm xã hội tỉnh B cung cấp cho Tòa án.

Căn cứ vào thang bảng lương mà người lao động được nhận thì hàng tháng, Công ty G đã trích khoản tiền lương của người lao động để đóng Bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp); tuy nhiên, từ tháng 6 năm 2012 đến nay Công ty G đã không đóng vào Quỹ bảo hiểm là không thực hiện đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại Đ 18 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và Đ 21 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của 11 người lao động ở trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của 11 nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Về mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội mà Công ty G phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Việc Công ty G trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đã được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 186 Bộ luật Lao động 2012; Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 11, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 26 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà): Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn C1, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Lê Thanh H, Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị Hồng P, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q, Nguyễn Đình V, Nguyễn Hồng Đ1 về việc: Tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải đóng bảo hiểm xã hội (gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp) vào quỹ Bảo hiểm xã hội cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B đối với các ông (bà): Nguyễn Văn A, Trịnh Thị Hoài C, Vũ Quang Đ, Nguyễn Văn C1, Phạm Duy T, Bạch Sỹ Q và ông Nguyễn Đình V từ tháng 6 năm 2012 đến hết tháng 4 năm 2015; ông Lê Thanh H từ tháng 6 năm 2012 đến hết tháng 5 năm 2014; bà Hoàng Thị Hồng P từ tháng 01 năm 2013 đến hết tháng 4 năm 2015; ông Nguyễn Hồng Đ1 từ tháng 11 năm 2013 đến hết tháng 7 năm 2014; bà Nguyễn Thị T1 từ tháng 8 năm 2013 đến hết tháng 4 năm 2015.

3. Mức đóng và số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp mà Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải đóng vào Quỹ bảo hiểm được áp dụng và tính theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn G phải nộp là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Cao Xuân Long